

Số: 4561/2022/QĐST-HNGĐ *Thành phố Thủ Đức, ngày 21 tháng 12 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 2008 do Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/5/2008;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2822/2022/HNST ngày 11/11/2022, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số A Đường B, Tổ C, Khu phố D, phường E, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông Dương Văn L, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Số G Đường số H, Tổ I, Khu phố K, phường Linh Xuân, thành phố F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 13 tháng 12 năm 2022, bà Phạm Thị Thu T và ông Dương Văn L thỏa thuận:

Về quan hệ hôn nhân bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1981 và ông Dương Văn L, sinh năm 1972 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Phạm Thị Thu T và ông Dương Văn L có 01 con chung tên Dương Phạm Hải Y (nữ), sinh ngày 05/9/2022. Bà T và ông L thống nhất giao con chung Dương Phạm Hải Y cho bà Phạm Thị Thu T trực tiếp chăm sóc nuôi

dưỡng. Ông Dương Văn L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/01 tháng, thực hiện từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Về lệ phí: Lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà ông Dương Văn L và bà Phạm Thị Thu T chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 13 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1981 và ông Dương Văn L, sinh năm 1972 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Dương Phạm Hải Y (nữ), sinh ngày 05/9/2022 cho bà Phạm Thị Thu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Dương Văn L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/01 tháng, thực hiện từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp bà Phạm Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Dương Văn L không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại các điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu T và ông Dương Văn L phải chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà T, ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0006703 ngày 07/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T, ông L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS, TP.Thủ Đức;
- Nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh